TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HS-ST
Ngày: 14-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Oanh- Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/HSST ngày 29/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST- HS, ngày 30 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Văn L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn S, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; con ông Trương Văn L và bà Lê Thị L; vợ là Giáp Thị Đ (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2019 đến nay, hiện bị cáo bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

** Người bị hại :* Chị Lê Thị H, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị L, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02 năm 2019, thông qua mạng xã hội Zalo, bị cáo Trương Văn L dùng tên giả là Bùi Văn T kết bạn với chị Lê Thị H. Bị cáo tự giới thiệu

đang làm quản lý, tuyển công nhân thời vụ tại một công ty ở khu công nghiệp Đình Trám, huyện V, tỉnh Bắc Giang, mục đích tìm cơ hội gần gũi, tạo thiện cảm với chị H, sau đó sẽ chiếm đoạt tài sản của chị H. Sau khi đã tạo được niềm tin với chị H, bị cáo đã thực hiện 03 hành vi chiếm đoạt tiền của chị H, cụ thể:

Lần thứ nhất:

Ngày 10/3/2019, L đặt vấn đề vay của chị H số tiền 10.000.000 đồng để trả tiền lương cho công nhân, chị H đồng ý hẹn gặp L để đưa tiền. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, L gặp và đưa chị H đến cửa hàng thế giới di động tại thị trấn Bích Động, huyện V để mua sim điện thoại. Sau khi mua sim xong, chị H bảo bị cáo đưa đến cây ATM của Ngân hàng Nông Nghiệp để rút tiền cho L vay. Chị H dùng thẻ ATM có số tài khoản 108866971918 đăng ký giao dịch tại Ngân hàng Vietinbank của mình để rút tiền cho bị cáo L vay. L quan sát thấy trong tài khoản của chị H còn số dư hơn 53.000.000 đồng nên đặt vấn đề vay thêm chị H số tiền 30.000.000 đồng, chị H đồng ý. Sau đó, chị H thực hiện 15 lần, rút tổng số 43.000.000 đồng (trong đó 13 lần mỗi lần rút 3.000.000 đồng; 02 lần mỗi lần rút 2.000.000 đồng) và đưa cả số tiền này cho L vay. Lấy được tiền, L đưa chị H về phòng trọ rồi về nhà.

Lần thứ hai:

Buổi chiều ngày 14/3/2019, L gọi điện cho chị H hẹn tối đến chơi, đồng thời hỏi vay thêm 10.000.000 đồng để trả tiền công nhân, chị H đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, L đến đợi chị H tại khu vực cây xăng xã Tăng Tiến, huyện V. Cùng thời gian này, chị H trên đường đi làm về đã vào cây ATM của Ngân hàng Vietinbank ở khu công nghiệp Vân Trung, huyện V rút số tiền 10.000.000 đồng cho L vay.

Lần thứ ba:

Đến khoảng 06 giờ ngày 15/3/2019, L tiếp tục gọi điện cho chị H hỏi mượn thẻ ATM và hứa đến chiều cùng ngày sẽ trả lại thì chị H đồng ý và hẹn gặp L tại cổng khu công nghiệp Vân Trung để giao thẻ. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày 15/3/2019, tại cổng khu công nghiệp Vân Trung, L được chị H giao cho chiếc thẻ ATM có số tài khoản 108866971918 đăng ký giao dịch tại Ngân hàng Vietinbank cùng mật khẩu bảo mật. Khi giao thẻ, L được chị H nói cho biết trong thẻ không có tiền nhưng đến chiều công ty sẽ chuyển lương vào tài khoản. Khoảng 16 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho chị H thì được chị H cho biết Công ty đã trả lương vào thẻ số tiền hơn 11.000.000 đồng nên L nói với chị H là sẽ rút hết tiền trong tài khoản tránh nhầm lẫn, xong việc L sẽ trả lại số tiền này cho chị H. Sau đó, L đến cây ATM của Ngân hàng Nông nghiệp ở phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang rút số tiền 11.000.000 đồng trong tài khoản của chị H, chi tiêu cá nhân hết, chiếc thẻ ATM L đã vứt đi không nhớ vứt ở đâu.

Ngày 13/5/2019, chị Lê Thị H có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V. Ngày 15/5/2019, Trương Văn L đến Công an huyện V đầu thú giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei số imei 1 862656030398966, lắp sim 0327831172.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 26/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Trương Văn L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố. Bà Lê Thị L, mẹ của bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000đ. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu lời luận tội đối với bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Trương Văn L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L từ 27 đến 30 tháng tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2019.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, Điều 585, Điều 589 BLDS buộc bị cáo Trương Văn L bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 54.000.000đ.

Về xử lý vật chứng, án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tịch thu 01 điện thoại nhãn hiệu Huawei số imei 1 862656030398966, lắp sim 0327831172 để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo đồng ý với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bà Lê Thị L là mẹ của bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền 10.000.000đ. Nên cần đưa bà Liệu vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Bằng các đưa ra các thông tin không đúng sự thật để tạo niềm tin cho người bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Vào các ngày 12/3/2019, 14/3/2019, ngày 15/3/2019, bị cáo Trương Văn L đã 03 lần chiếm đoạt tài sản của chị Lê Thị H với số tiền là 64.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, mỗi hành vi của bị cáo đều cấu thành tội độc lập. Cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo ra đầu thú; bị cáo đã tác động để mẹ bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000đ; người bị hại xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát xử phạt bị cáo từ 27 đến 30 tháng tù là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Liệu đã bồi thường cho chị H 10.000.000đ và không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả bà số tiền này. Chị H yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị số tiền 54.000.000đ, bị cáo đồng ý với yêu cầu của chị H. Cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị H số tiền 54.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, người bị hại, được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Văn L 27 (hai mươi bẩy) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 15/5/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 54.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tịch thu 01 điện thoại nhãn hiệu Huawei số imei 1 862656030398966, lắp sim 0327831172 để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Trương Văn L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND V ;
- CA huyện V;
- THADS V;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Bị cáo; Luật sư;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Thân Văn Hiếu